

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 01 - 2023

V/v “Tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP-TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thành Quyến;
- Ông Phan Công Điện.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trện – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 599/2022/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2022/QĐXXST-HN, ngày 01 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Mộng N**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: ấp A1 (Nay là ấp T), thị trấn T, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: **Võ Văn T**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp A1 (Nay là ấp T), thị trấn T, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Nguyễn Thị Mộng N (Sau đây gọi chị N) trình bày:

Giữa chị và bị đơn Võ Văn T (Sau đây gọi anh T) qua tìm hiểu nhau mà tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chồng chị có tình cảm với người phụ nữ khác, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, không còn quan tâm chia sẻ nhau trong cuộc sống đã nhiều lần hoà giải hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên đã sống ly thân từ năm

2020. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh T.

-Về con chung: Có hai người con chung tên Võ Thị Thảo M (Nữ), sinh ngày 07 tháng 10 năm 2015 và cháu Võ Thị Thảo N (Nữ), sinh ngày 05 tháng 02 năm 2018. Từ khi ly thân đến nay thì cháu Nghi do chị nuôi dưỡng. Cháu My do anh T nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Thảo N, chồng chị nuôi cháu Thảo M, chưa ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng Võ Văn T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại bản tự khai cháu Võ Thị Thảo M trình bày (Có sự chứng kiến của chị N): Khi cha mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống với cha.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Tòa án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn; giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng cháu Thảo Ng. Bị đơn nuôi dưỡng cháu Thảo M, chưa ai phải cấp dưỡng nuôi con, về nợ và tài sản chung, không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là Tranh chấp ly hôn được qui định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Võ Văn T được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, vắng mặt không lý do nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với đương sự này.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 10 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Hậu Giang nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N: Chị và anh T trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống mà không có giải pháp khắc phục để hoà giải hàn gắn tình cảm mà chọn cách sống ly thân, xét thời gian ly thân thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tạo điều kiện để hòa giải đoàn tụ nhưng anh T vắng mặt, chứng tỏ rằng anh cũng không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Trong khi tại phiên tòa, chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T và cương quyết xin ly hôn. Từ đó thấy rằng hôn nhân giữa hai người đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[5] Về con chung: Xét từ khi ly thân đến nay cháu Thảo M sống với anh T, cháu có nguyện vọng được sống với cha. Chị Nhi cũng đồng ý cho anh T nuôi dưỡng. Cháu Thảo Ng sống với chị Nh, chị Nh có yêu cầu được nuôi cháu. Nhằm tránh gây xáo trộn đời sống của các cháu, cần tiếp tục giao cháu Thảo M cho anh T nuôi dưỡng; Giao cháu Thảo Ng cho chị Nh nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị Nh, anh T có yêu cầu khác.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chưa ai có yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho chị Nh và anh T mà không ai có quyền cản trở.

[7] Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận;
Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định. *Vì các lẽ trên;*

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mộng Nh và anh Võ Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Võ Thị Thảo M (Nữ), sinh ngày 07 tháng 10 năm 2015 cho anh Võ Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị Nh, anh T có yêu cầu khác.

Giao cháu Võ Thị Thảo Ng (Nữ), sinh ngày 05 tháng 02 năm 2018 cho chị Nguyễn Thị Mộng Nh được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị Nh, anh T có yêu cầu khác.

Chưa ai phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho chị Nguyễn Thị Mộng Nh và anh Võ Văn T mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu, không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mộng Nh phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008498, ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
- UBND TT T,
- h. H, t.Hậu Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Nguyễn Thanh Liêm